

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST
Ngày 23/9/2020.
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Chung.
2. Ông Nguyễn Văn Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Thơ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 23/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2020/TLST-HNGĐ ngày 25/6/2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 03/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1988 (Có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố LT, thị trấn BH, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố LT, thị trấn BH, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn CĐ, xã LC, huyện GL, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai tại phiên tòa anh Nguyễn Văn N trình bày:

Anh và chị H có được tự nguyện tìm hiểu rồi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bồ Hạ (nay là thị trấn Bồ Hạ), huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang vào năm 2011. Cuộc sống chung vợ chồng không hòa hợp. Nguyên nhân do chị H không chung thủy, không tôn trọng anh. Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vợ chồng anh đã ly thân từ

năm 2018 cho đến nay, không thể đoàn tụ được dù đã được hai bên gia đình hòa giải. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh làm đơn xin ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung là cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 17/12/2012 hiện đang ở với anh. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị H trình bày: Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hai vợ chồng chung sống đến tháng 7-2018 thì chị về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đó cho đến nay. Lí do chị về nhà mẹ đẻ sinh sống là do khi chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nguyên nhân cãi vã là do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, vợ chồng chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không đoàn tụ được. Nay anh N xin ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 17/12/2012 và cháu Nguyễn Minh Hoàng, sinh ngày 29/7/2018. Hiện nay cháu L đang ở cùng anh N còn cháu H đang ở với chị. Khi ly hôn chị đồng ý giao cháu L cho anh N nuôi dưỡng, còn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu H và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn N trình bày bổ sung về phần con chung: Khi vợ chồng ly thân thì chị H sinh thêm cháu Nguyễn Minh Hoàng, sinh ngày 29/7/2018. Nay chị H có nguyện vọng nuôi cháu H thì anh cũng đồng ý để chị H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu.

+ *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình xử cho anh N được ly hôn chị H. Về việc nuôi con: Giao cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 17/12/2012 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Minh Hoàng, sinh ngày 29/7/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Anh N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh N xin ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con với chị H; Chị H có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Bồ Hạ, huyện Yên Thế và có ý kiến lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Yên Thế là nơi giải quyết vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Chị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bồ Hạ (nay là thị trấn Bồ Hạ). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Tại bản khai và biên bản lấy lời khai anh N và chị H cùng thừa nhận vợ chồng chung sống không hòa thuận, hạnh phúc. Anh N, chị H đã ly thân từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay, hôn nhân thực tế đã không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc anh N xin ly hôn chị H là có căn cứ để chấp nhận.

- Về việc nuôi con: Anh N, chị H cùng có ý kiến giao cháu Nguyễn Gia L cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng; Mặt khác, cháu Gia L có nguyện vọng được ở với bố nên cần giao cháu Gia L cho anh N nuôi dưỡng. Chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Minh Hên cần giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng anh N, chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Anh N, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào quy định tại Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

3. Về việc nuôi con: Giao cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 17/12/2012 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Minh Hoàng, sinh ngày 29/7/2018 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; Anh N, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

4. Về tài sản, công nợ: Anh N và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tiền án phí: Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh N đã nộp tại biên lai số AA/2016/0002373 ngày 25/6/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu. Xác nhận anh Nguyễn Văn N đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND thị trấn Bồ Hạ, huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Trang